

Số: 8917/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế
của thành phố Hà Nội năm 2017 (đợt 5)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Liên Bộ: Nội vụ-Tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2017 của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 7216/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt danh sách và kinh phí tinh giản biên chế của thành phố Hà Nội theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ (đợt 4 năm 2017);

Căn cứ các Công văn của Bộ Nội vụ số 4586/BNV-TCBC ngày 28/8/2017 và số 4761/BNV-TCBC ngày 05/9/2017 về việc thẩm tra danh sách tinh giản biên chế 06 tháng cuối năm 2017 của thành phố Hà Nội,

Xét đề nghị của liên Sở: Nội vụ - Tài chính tại Tờ trình số 3172/TTRLS-NV-TC ngày 13/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí để chi trả cho các công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP); cán bộ, công chức cấp xã được nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, với tổng kinh phí: 5.744.533.000 đồng (*Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn đồng*); trong đó:

- Nguồn kinh phí cải cách tiền lương năm 2017 của ngân sách cấp Thành phố: 5.621.761.000 đồng;

- Nguồn thu, dự toán ngân sách giao tại Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND Thành phố và các nguồn hợp pháp khác của đơn vị: 122.772.000 đồng.

(Danh sách và kinh phí chi tiết theo Phụ lục số 1,2,3 đính kèm)

Điều 2. Đính chính một số nội dung tại Quyết định số 7216/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt danh sách và kinh phí tinh giản biên chế của thành phố Hà Nội theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ (đợt 4 năm 2017).

(Chi tiết theo Phụ lục số 4 đính kèm)

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Các cơ quan, đơn vị có công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; cán bộ công chức cấp xã được tinh giản biên chế theo Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tiếp nhận kinh phí ngân sách Thành phố cấp bổ sung và sử dụng nguồn thu, dự toán ngân sách giao tại Quyết định số 6768/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách của thành phố Hà Nội năm 2017 và các nguồn hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện chi trả cho công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; cán bộ, công chức cấp xã theo đúng chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí đúng quy định của Nhà nước.

- Các cơ quan, đơn vị có viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP có tên tại Điều 2 Quyết định này có trách nhiệm điều chỉnh thông tin theo quy định.

- Sở Tài chính, Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có tên trong danh sách tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định. / *AE*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND Thành phố :
Lê Hồng Sơn, Nguyễn Doãn Toàn ;
- VPUB: PCVP P.C.Công, T.V.Dũng;
TH, NC, KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT (hạnh). *AB*

(để báo cáo)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *u*
CHỦ TỊCH

Nguyễn Doãn Toàn

50357 (1207)

TỔNG HỢP TÍNH GIÁN BIÊN CHẾ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐỢT 5 NĂM 2017
(Kèm theo Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội)

ST T	Đơn vị	Tổng cộng	Số người nghỉ hưu trước tuổi (người)			Số người thôi việc ngay			Tổng cộng	Dự toán kinh phí thực hiện tính gián biên chế (nghìn đồng)					Dự toán kinh phí thực hiện tính gián biên chế (nghìn đồng) đối với trường hợp thôi việc ngay					Ghi chú
			Công chức hành chính	Viên chức sự nghiệp	Cán bộ, công chức cấp xã	Công chức hành chính	Viên chức sự nghiệp	Cán bộ, công chức cấp xã		Cộng kinh phí nghỉ hưu trước tuổi	Công chức hành chính	Viên chức sự nghiệp	Cán bộ, công chức cấp xã	Cộng kinh phí thôi việc ngay	Công chức hành chính		Viên chức sự nghiệp		Cán bộ, công chức cấp xã	
															Ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn thu, dự toán ngân sách giao và các nguồn hợp pháp khác của đơn vị	Ngân sách Thành phố cấp bổ sung		
	Tổng cộng	62	3	47	8	1	3	5,744,533	5,370,004	135,974	4,591,830	208,479	433,721	374,529	150,150	12,426	184,743	27,210	0	
1	Khỏi các cơ quan thuộc Thành ủy Hà Nội	2	2					135,974	135,974	135,974				0						
2	Quận Long Biên	9	1	2	5	1		537,026	374,450		99,780		274,670	162,576	150,150	12,426				
3	Sở Y tế	9		9				639,833	639,833		639,833			0						
4	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	1		1				145,395	145,395		145,395			0						
5	Sở Thông tin và Truyền thông	1		1				125,343	125,343			125,343		0						
6	Huyện Hoài Đức	3		2			1	285,245	213,200		213,200			72,045			63,648	8,397		
7	Sở Tư pháp	5		3			2	481,615	341,707		258,571	83,136		139,908			121,095	18,813		
8	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Công trình Văn hóa- Xã hội thành phố Hà Nội	1		1				0	0				0							
9	Quận Ba Đình	1		1				88,955	88,955		88,955			0						
10	Huyện Thạch Thất	2		1	1			147,909	147,909		91,413		56,496	0						
11	Huyện Quốc Oai	23		23				2,946,195	2,946,195		2,946,195			0						

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục số 02

DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐỢT 5 NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 8947/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội)

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tính tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
	Tổng cộng: 58 người												5,370,004	
I	Khối hành chính: 03 người												135,974	
I.1	Khối các cơ quan thuộc Thành ủy Hà Nội: 02 người												135,974	
1	Vũ Đức Mộc	06/08/1962	Sơ cấp	Nhân viên đánh máy Ban Dân vận Huyện ủy Ba Vì	4,771	01/09/2017	36N 9th	55T 0th	5N 0th	x			135,974	Đôi dư do cơ cấu lại VTVL của Huyện ủy Ba Vì đã được Thành ủy phê duyệt
2	Nguyễn Văn Luyện	24/06/1958	Trung cấp	Cán sự, Ủy viên Ủy ban MTTQ huyện Ba Vì	-	01/01/2018	39N 4th	59T 6th	0N 6th	x			0	Đôi dư do cơ cấu lại VTVL của Huyện ủy Ba Vì đã được Thành ủy phê duyệt
I.2	Quận Long Biên: 01 người												0	
3	Lê Văn Bình	03/12/1957	Đại học, ngành Kinh tế nông nghiệp	Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ quận Long Biên	-	01/09/2017	21N8th	59T 8th	0N 4th	x			0	Đôi dư do bằng cấp chuyên môn, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin không đảm nhiệm được vị trí trong thời điểm hiện nay, không thể bố trí công việc khác
II	Khối sự nghiệp: 47 người												4,800,309	
II.1	Sở Y tế: 09 người												639,833	
1	Vũ Văn Anh	19/03/1965	Bác sĩ CKI	Viên chức, Phó trưởng phòng TCCB Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế Hà Nội	6,265	01/09/2017	26N 11th	52T 5th	2N 7th	x			103,373	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế theo Quyết định của UBND Thành phố

AK

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
2	Cao Thị Phương Thảo	27/06/1965	Bác sĩ CKI	Viên chức, Phó trưởng phòng Chỉ đạo tuyến, Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế Hà Nội	6,242	01/09/2017	28N 10th	52T 2th	2N 10th	x			109,235	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế theo Quyết định của UBND Thành phố
3	Nguyễn Thị Thanh Cương	17/11/1966	Cử nhân Kinh tế	Viên chức, Phó trưởng phòng Hành chính quản trị, Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế Hà Nội	4,928	01/09/2017	24N10th	50T 9th	4N 3th	x			101,024	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế theo Quyết định của UBND Thành phố
4	Nguyễn Xuân Thu	02/04/1963	Bác sĩ CKI	Viên chức, Bác sĩ chính (hạng II), Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế Hà Nội	-	01/09/2017	24N 11th	54T 4th	0N 8th	x			0	Đôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế dự phòng, Sở Y tế theo Quyết định của UBND Thành phố
5	Nguyễn Thị Hợi	22/11/1966	Sơ cấp	Điều dưỡng sơ cấp, Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân, Sở Y tế	4,142	01/10/2017	30N 1th	50T 10th	4N 2th	x			95,266	Đôi dư do chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với VTVL đang đảm nhiệm, không thể bố trí công việc khác phù hợp
6	Nguyễn Thị Bích Loan	30/09/1967	Trung cấp	Điều dưỡng trung cấp, Trung tâm Y tế quận Thanh Xuân, Sở Y tế Hà Nội	4,859	01/10/2017	30N 1th	50T 0th	5N 0th	x			121,475	Có 1 năm (2015) hoàn thành nhiệm vụ, 1 năm (2016) không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
7	Hà Quốc Đại	24/04/1959		Bảo vệ, Bệnh viện Đống Đa, Sở Y tế Hà Nội		01/12/2017	40N 1th	58T 7th	1N 5th	x			0	Đôi dư do sắp xếp lại cán bộ, viên chức theo VTVL nhưng không bố trí được công việc khác phù hợp
8	Trần Cương	15/11/1958		Bảo vệ, Bệnh viện Đống Đa, Sở Y tế Hà Nội		01/12/2017	39N9th	59T 0th	1N 0th	x			0	Đôi dư do sắp xếp lại cán bộ, viên chức theo VTVL nhưng không bố trí được công việc khác phù hợp
9	Nguyễn Văn Đào	15/06/1962	Sơ cấp	Điều dưỡng sơ cấp, Trung tâm Y tế huyện Mê Linh, Sở Y tế Hà Nội	4,210	01/09/2017	33N10th	55T 2th	4N 10th	x			109,460	Đôi dư do sắp xếp lại cán bộ, viên chức theo VTVL, nhưng không bố trí được công việc khác phù hợp

BT

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tính gián biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời gian nghỉ tính gián biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tính gián
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
II.2	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội: 01 người											145,395		
10	Nguyễn Văn Ngón	10/10/1959	Đại học	Viên chức, Phó trưởng phòng Tổ chức- Hành chính, trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	6,462	01/09/2017	40N 11th	57T 10th	2N 2th	x		145,395	Năm học 2015- 2016 hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2016- 2017 không hoàn thành nhiệm vụ; không bố trí được công việc phù hợp	
II.3	Sở Thông tin và Truyền thông: 01 người											125,343		
11	Nguyễn Ngọc Thanh	11/11/1959	Thạc sĩ	Viên chức, Phó giám đốc Trung tâm Giao dịch Công nghệ thông tin và truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội	6,597	01/11/2017	34N3th	57T 11th	2N 1th	x		125,343	Đôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Quyết định số 1472/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND thành phố Hà Nội	
II.4	Huyện Hoài Đức: 02 người											213,200		
12	Lê Thị Kim Thúy	23/10/1965	Trung cấp sư phạm	Viên chức, giáo viên trường TH Kim Chung A, huyện Hoài Đức	6,430	01/09/2017	30N 0th	51T 10th	3N 2th	x		128,600	Có 1 năm học (2014- 2015) hoàn thành nhiệm vụ, 1 năm học (2015- 2016) không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp	
13	Bùi Tường Linh	24/11/1965	Trung cấp kế toán	Viên chức, Nhân viên kế toán trường TH Kim Chung B, huyện Hoài Đức	4,700	01/09/2017	25N 10th	51T 9th	3N 3th	x		84,600	Có 1 năm học (2014- 2015) hoàn thành nhiệm vụ, 1 năm học (2015- 2016) không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp	
II.5	Quận Long Biên: 02 người											99,780		
14	Nguyễn Thị Tinh	27/01/1964	Trung cấp sư phạm ngành giáo dục mầm non	Viên chức, Giáo viên trường Mầm non Giang Biên, quận Long Biên	-	01/09/2017	32N 5th	53T 7th	1N 5th	x		0	Có 1 năm học (2015- 2016) hoàn thành nhiệm vụ, 1 năm học (2016- 2017) không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp	

Ph

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
15	Trần Tiến Dũng	08/06/1960	Đại học	Viên chức, Trung tâm phát triển quỹ đất quận Long Biên	4,989	01/09/2017	34N 2th	57T 2th	2N 10th	x			99,780	Đôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Quyết định số 3440/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND Thành phố Hà Nội
II.6	Sở Tư pháp: 03 người												341,707	
16	Nguyễn Xuân Long	23/05/1961		HĐLĐ 68, Bảo vệ tại Phòng Công chứng số 2, Sở Tư pháp	3,464	01/09/2017	35N8th	56T 3th	3N 9th	x			83,136	Đôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự của phòng Công chứng để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp
17	Nguyễn Lê Sơn	15/12/1960	Đại học Luật	Trưởng Chi nhánh số 3, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp	6,009	01/09/2017	39N 1th	56T 8th	3N 4th	x			147,221	Đôi dư do cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo đề án VTVL; năm 2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
18	Trương Thị Ngân	10/07/1967		Nhân viên kỹ thuật, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp	4,454	01/09/2017	32N 1th	50T 1th	4N 11th	x			111,350	Đôi dư do cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức theo đề án VTVL nhưng không bố trí được công việc khác phù hợp
II.7	Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng Công trình Văn hóa- Xã hội thành phố: 01 người												0	
19	Nguyễn Văn Thắng	15/10/1958	Đại học Luật	Viên chức, BQLDA đầu tư xây dựng Công trình Văn hóa- xã hội		01/09/2017	32N 11th	58T 10th	1N 2th	x			0	Đôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Quyết định số 7291/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội
II.8	Quận Ba Đình: 01 người												88,955	

18/6

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
20	Dương Thị Minh Thủy	11/10/1964	Trung cấp	Viên chức, giáo viên trường Mẫu giáo số 3, quận Ba Đình	5,739	01/10/2017	27N 0th	52T 11th	2N 1th	x			88,955	Năm học 2015-2016 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2016-2017 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
II.9	Huyện Thạch Thất: 01 người												91,413	
21	Nguyễn Duy Hồng	03/12/1959	Trung cấp	Viên chức Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên huyện Thạch Thất	4,353	01/12/2017	37N8th	57T 11th	2N 1th	x			91,413	Đôi dư do sáp nhập các đơn vị theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND của UBND Thành phố về thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên- Giáo dục nghề nghiệp thuộc UBND các quận, huyện, thị xã
II.10	Huyện Quốc Oai: 23 người												2,946,195	
22	Nguyễn Thị Luận	20/08/1964	Cao đẳng	Viên chức, Giáo viên trường TH Đồng Quang, huyện Quốc Oai	6,499	01/09/2017	31N 0th	53T 0th	2N 0th	x			107,234	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
23	Tạ Thị Hoa	09/01/1967	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH thị trấn Quốc Oai B, huyện Quốc Oai	6,597	01/12/2017	31N 0th	50T 10th	4N 2th	x			155,030	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
24	Nguyễn Thị Yên	29/01/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Thị trấn Quốc Oai A, huyện Quốc Oai	6,597	01/12/2017	31N 0th	52T 10th	2N 2th	x			115,448	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp

AK

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tình giảm biên chế	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giảm biên chế	Thời gian nghỉ tình giảm biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách				Lý do tình giảm
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề	Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	
25	Nguyễn Phương Liên	26/08/1964	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phú Cát, huyện Quốc Oai	5,300	01/09/2017	23N 9th	53T 0th	2N 0th	x			68,900	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
26	Bùi Thị Tuất	13/02/1966	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Nghĩa Hưng, huyện Quốc Oai	6,452	01/09/2017	30N 8th	51T 6th	3N 6th	x			132,266	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
27	Bùi Thị Thu	15/08/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phú Cát, huyện Quốc Oai	6,230	01/09/2017	30N 10th	52T 0th	3N 0th	x			121,485	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
28	Nguyễn Thị Liên Minh	20/12/1965	Đại học	Viên chức, giáo viên trường TH Nghĩa Hưng, huyện Quốc Oai	6,511	01/11/2017	29N 10th	51T 10th	3N 2th	x			130,220	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
29	Nguyễn Thị Mai	04/11/1966	Đại học	Viên chức, giáo viên trường TH Lập Tuyết, huyện Quốc Oai	6,414	01/10/2017	30N 10th	50T 10th	4N 2th	x			150,729	Năm học 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm học 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tính gián biên chế	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời gian nghỉ tính gián biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tính gián
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kính phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
30	Nguyễn Thị Tuyết	02/09/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Liệp Tuyết, huyện Quốc Oai	6,599	01/10/2017	32N 1th	52T 0th	3N 0th	x			131,980	Năm 2015 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; năm 2016 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
31	Đặng Thị Thu Hà (Đặng Thu Hà)	11/07/1967	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Sài Sơn B, huyện Quốc Oai	6,546	01/12/2017	28N 3th	50T 4th	4N 8th	x			150,558	Năm 2014-2015 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; năm 2015-2016 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
32	Nguyễn Thị Mơ	24/10/1966	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai	6,519	01/12/2017	29N 2th	51T 1th	3N 11th	x			133,640	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
33	Phạm Thị Thành	06/05/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Đồng Quang, huyện Quốc Oai	6,349	01/09/2017	31N 11th	52T 3th	2N 9th	x			120,631	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
34	Nguyễn Thị Hằng	20/07/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Đồng Quang, huyện Quốc Oai	6,605	01/12/2017	31N 2th	52T 4th	2N 8th	x			122,193	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ; năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp

Ad.

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời gian sau khi đi học nghề		
35	Nguyễn Thị Bích Liên	13/01/1967	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,601	01/12/2017	31N 0th	50T 10th	4N 2th	x			155,124	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
36	Đỗ Thị Thu	22/07/1966	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,287	01/12/2017	29N 4th	51T 4th	3N 8th	x			128,884	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
37	Nguyễn Thị Yến	07/01/1966	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,682	01/12/2017	31N 0th	51T 10th	3N 2th	x			136,981	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
38	Đỗ Thị Thanh	27/05/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,597	01/12/2017	31N 0th	52T 6th	2N 6th	x			115,448	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
39	Nguyễn Công Hợi	06/06/1960	Trung cấp	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,506	01/12/2017	39N1th	57T 5th	2N 7th	x			146,385	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
40	Đôn Thị Anh	20/10/1965	Đại học	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	6,738	01/12/2017	34N 1th	52T 1th	2N 11th	x			134,760	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tính gián biên chế	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tính gián biên chế	Thời gian nghỉ tính gián biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tính gián
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
41	Nguyễn Thị Tân	29/10/1965	Cao đẳng	Viên chức, giáo viên trường TH Phương Cách, huyện Quốc Oai	5,905	01/12/2017	27N 3th	52T 1th	2N 11th	x			97,433	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
42	Đỗ Văn Lành	30/06/1960	Trung cấp	Viên chức, giáo viên trường TH Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai	6,265	01/09/2017	36N6th	57T 2th	2N 10th	x			134,698	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
43	Đỗ Thị Thanh Mai (Đỗ Thanh Mai)	19/08/1964	Đại học	Viên chức, giáo viên trường TH Hòa Thạch B, huyện Quốc Oai	7,018	01/09/2017	32N9th	53T 0th	2N 0th	x			122,815	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
44	Nguyễn Thị Thêm	07/09/1966	Đại học	Viên chức, giáo viên trường TH Yên Sơn, huyện Quốc Oai	6,505	01/12/2017	29N 0th	51T 2th	3N 10th	x			133,353	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
II.11	Huyện Phú Xuyên: 02 người											108,488		
45	Hoàng Thị Nga	01/01/1963	Trung cấp sư phạm ngành giáo dục mầm non	Viên chức, giáo viên trường MN Phú Túc, huyện Phú Xuyên	-	01/12/2017	22N 11th	54T 11th	0N 1th	x			0	Năm 2014-2015 được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ; không thể bố trí công việc khác phù hợp
46	Vũ Thị Kim Lý	08/09/1964	Đại học	Viên chức, Giáo viên trường THCS Trần Phú, huyện Phú Xuyên	6,575	01/08/2017	29N 4th	52T 10th	2N 2th	X			108,488	năm 2014-2015 hoàn thành nhiệm vụ, năm 2015-2016 không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí được công việc khác phù hợp

86

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách				Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kính phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề	Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	
II.12	Tổng công ty Thương mại Hà Nội: 01 người												0	
47	Trần Thị Hồng Hoa	01/04/1963	Đại học	Kiểm soát viên Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	-	01/07/2017	30N 3th	54T 3th	0N 9th	x				Đôi dư do tái cơ cấu Tổng Công ty Thương mại Hà Nội đã được UBND Thành phố phê duyệt
III	Cán bộ, công chức cấp xã: 08 người												433,721	
III.1	Quận Long Biên: 05 người												274,670	
1	Nguyễn Tuấn Bông	21/03/1960	Đại học ngành Quản lý đất đai	Chủ tịch Ủy ban MTTQ phường Giang Biên, quận Long Biên	4,278	01/09/2017	29N2th	57T 5th	2N 7th	x			74,865	Có 2 năm liên tiếp (2015, 2016) được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không thể bố trí công việc khác
2	Phạm Huy Nhân	13/06/1962	Đại học	Công chức Văn phòng-Thống kê phường Đức Giang, quận Long Biên	3,441	01/09/2017	20N 4th	55T 2th	4N 10th	x			65,379	2 năm liên tiếp được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không bố trí được công việc khác phù hợp
3	Ngô Sinh Xuân	29/03/1962	Đại học	Cán bộ, nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Long Biên, quận Long Biên	3,801	01/09/2017	20N10th	55T 5th	4N 7th	x			74,120	2 năm liên tiếp được đánh giá: 1 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ; không bố trí được công việc khác phù hợp
4	Lưu Khắc Biên	13/09/1960	Đại học ngành Luật Kinh tế	Công chức Tư pháp- Hộ tịch phường Phúc Đồng, quận Long Biên	3,174	01/09/2017	27N 8th	56T 11th	3N 1th	x			60,306	2 năm liên tiếp được đánh giá: 1 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực, 1 năm không hoàn thành nhiệm vụ; không bố trí được công việc khác phù hợp

AB

Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương tháng để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi, do đóng bảo hiểm xã hội (nghìn đồng)	Thời điểm tính tinh giản biên chế	Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Thời gian nghỉ tinh giản biên chế trước tuổi	Được hưởng chính sách			Tổng kinh phí để thực hiện chế độ (nghìn đồng)	Lý do tinh giản
										Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang làm việc ở các cơ sở không sử dụng kinh phí thường xuyên từ NSNN	Thời việc sau khi đi học nghề		
5	Đặng Văn Hiền	15/01/1958		Chủ tịch Hội Nông dân phường Phúc Lợi, quận Long Biên	-	01/09/2017	21N11th	59T 7th	0N 5th	x			0	Đôi dư do chủ trương chấm dứt hoạt động của Hội Nông dân các phường thuộc quận của Thành phố Hà Nội
III.2	Huyện Thạch Thất: 01 người												56,496	
6	Nguyễn Văn Chức	06/04/1960	Tốt nghiệp THPT, Trung cấp lý luận chính trị	Cán bộ, Chủ tịch HDND xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất	3,424	01/11/2017	29N3th	57T 6th	2N 6th	x			56,496	Đôi dư do trình độ đào tạo chưa đạt tiêu chuẩn của Đề án VTVL đã được phê duyệt; không thể bố trí công việc khác
III.3	Huyện Phú Xuyên: 02 người												102,555	
7	Nguyễn Văn Thương	15/02/1959	Cao đẳng ngành Kết toán	Chủ tịch Hội Nông dân thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên		01/09/2017	25N4th	58T 6th	1N 6th	x			0	2 năm liền xếp loại cán bộ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không bố trí được công việc khác phù hợp
8	Nguyễn Khắc Thuật	26/04/1962		Cán bộ, Bí thư Đảng ủy xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên	4,558	01/09/2017	27N 5th	55T 4th	4N 8th	x			102,555	2 năm liền xếp loại cán bộ hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực; không bố trí được công việc khác phù hợp

DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI THÔI VIỆC NGAY ĐỢT 5 NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 8917/QĐ-UBND ngày 28 /12/ 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

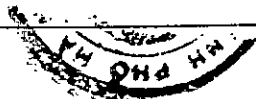
Số TT	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh, chức vụ hiện hưởng		Lương, ngạch, bậc trước liền kề		Tiền lương tháng (nếu có để tính trợ cấp (1000 đồng)	Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000 đồng)	Số năm đóng BHXH (theo số BHXH)		Thời điểm tính tinh giản biên chế	Tuổi khi giải quyết tinh giản biên chế	Kinh phí để thực hiện tinh giản biên chế (1000 đồng)			Lý do tinh giản		
					Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng			Tổng số	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên			Tổng số	Trợ cấp tìm việc			Trợ cấp do đóng BHXH	
																Ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn thu, dự toán ngân sách giao và các nguồn hợp pháp khác của đơn vị			
Tổng cộng: 04 người															374,529		39,636	334,893		
I Sở Tư pháp: 02 người																139,908	-	18,813	121,095	
1	Phạm Đức Vinh	03/10/1978	Đại học	Viên chức, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Sở Tư pháp	3.33	08/2015	3.00	01/08/2012	3,621	4,329	12N 1th		01/09/2017	38T 10th	88,785		10,863	77,922	Dôi dư do cơ cấu lại công chức, viên chức theo Đề án VTVL đã được phê duyệt của đơn vị, không bố trí được công việc khác phù hợp	
2	Lê Bá Quang Huy	01/03/1988	Trung cấp	Viên chức, Cán sự Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Sở Tư pháp	2.46	10/2015	2.26	01/10/2013	2,650	3,198	9N 1th		01/09/2017	29T 6th	51,123		7,950	43,173	Dôi dư do cơ cấu lại công chức, viên chức theo Đề án VTVL đã được phê duyệt của đơn vị, không bố trí được công việc khác phù hợp	
II Huyện Hoài Đức: 01 người																72,045	-	8,397	63,648	
3	Nguyễn Anh Tuấn	27/03/1973	Cao đẳng ngoại ngữ, tiếng Anh	Viên chức, Nhân viên trưởng THCS Lai Yên, huyện Hoài Đức	2.72	08/2016	2.41	01/08/2013	2,799	3,536	12N 1th		01/09/2017	44T 5th	72,045		8,397	63,648		
III Quận Long Biên: 01 người																162,576	-	12,426	150,150	
4	Đình Xuân Bình	24/11/1968		Lái xe, Văn phòng HĐND và UBND quận Long Biên	3.85	02/2017	3.67	01/02/2015	4,142	5,005	20N 4th		01/09/2017	48T 9th	162,576		12,426	150,150	Dôi dư do thực hiện Quyết định số 1930/QĐ-UBND của Thành phố Hà Nội về việc khoán xe ô tô trong các cơ quan hành chính	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐÍNH CHÍNH NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 7261/QĐ-UBND NGÀY 17/10/2017 CỦA UBND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số ~~8917~~ /QĐ-UBND ngày 26 /12 / 2017 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung tại Quyết định số 7261/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND Thành phố	Liên sở đề xuất đính chính thông tin	Lý do
1	Nguyễn Thị Thảo	Viên chức, giáo viên trường mầm non Xuân Dương, huyện Thanh Oai	- Trình độ đào tạo: Trung cấp - Đơn vị công tác: Trường mầm non Xuân Dương, huyện Thanh Oai	- Trình độ đào tạo: Cao đẳng - Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Xuân Dương, huyện Thanh Oai	Theo hồ sơ gốc
2	Nguyễn Thị Hương	Viên chức, Nhà khách UBND Thành phố Hà Nội	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Theo quy định tại Điều 11 Khoản 1 Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BTC-BNV ngày ngày 14/4/2015: Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên: Sử dụng từ nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Thông tư liên tịch này
3	Nguyễn Ngọc Khang	Viên chức, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Hoàn Kiếm	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	
4	Nguyễn Danh Viễn	Viên chức, nguyên Phó trưởng ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Quốc Oai	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	
5	Nguyễn Như Hải	Viên chức, ngạch Cán sự Ban quản lý chợ Nghệ thị xã Sơn Tây	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	



TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nội dung tại Quyết định số 7261/QĐ-UBND ngày 17/10/2017 của UBND Thành phố	Liên sở đề xuất đính chính thông tin	Lý do
6	Đào Hồng Hiệp	HDLD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên Nguyễn Văn Tố, quận Hoàn Kiếm	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	Theo quy định tại Điều 11 Khoản 2 Điểm b: Đơn vị sử dụng kinh phí từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi hoạt động của đơn vị và nguồn thu để thực hiện các chính sách tinh giản biên chế đối với lao động hợp đồng không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
7	Hà Văn Tam	Nhân viên Bảo vệ trường THCS Tân Dân huyện Sóc Sơn	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách Thành phố cấp bổ sung	Nguồn kinh phí thực hiện: nguồn thu và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị	